

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 22

Thiên thứ 13: VÀO ĐẠO

Gồm có bốn phần: Thuật ý, Vui chán, Thế phát, dẫn chứng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng: Đạo và đời khác biệt; sạch với nhiễm trái nhau. Do nghiệp nhân thiện ác không đồng, nên chịu lấy quả báo không giống. Muốn xem thấy phong thái nhân nghĩa đạo đức siêu phàm, phải tìm hiểu lễ nghi phép tắc nhà Phật, mới có thể xuất gia cầu đạo, từ bỏ vinh hoa, nhịn món ăn ngon, muối dưa khổ hạnh. Che thân áo vải, không cần điểm trang, cốt ở yên thân, không màng danh lợi. Chế ngự tam độc, cấm chỉ bát âm. Ba nghìn uy nghi, năm trăm giới luật, động tịnh đứng cách, tuân thủ phép khuôn. Tám vạn pháp môn, mười hai phần giáo, tùy cơ diễn giảng, theo thời lợi sinh. Như thế, đáng gọi là mẫu mực khắp cả Trời người, bè từ cho kẻ vào đạo vậy.

Thứ hai: PHẦN VUI CHÁN

Như kinh Văn-Thù-Vấn-Phật nói: “Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: “Tất cả mọi công đức đều không bằng tâm xuất gia. Tại sao? Vì người tại gia có vô số lỗi lầm, người xuất gia được vô lượng công đức. Người tại gia bị chướng ngại, người xuất gia không bị chướng ngại. Người tại gia làm điều ác, người xuất gia xa lìa điều ác. Người tại gia ở chỗ bụi trần, người xuất gia bỏ chỗ bụi trần. Người tại gia chìm đắm trong dục vọng ô trược, người xuất gia thoát khỏi dục vọng ô trược. Người tại gia sống theo kẻ ngu si, người xuất gia xa lánh thói kẻ ngu si. Người tại gia không đạt được chánh mạng, người xuất gia có được chánh mạng. Người tại gia sống ở chỗ lo âu phiền não, người xuất gia sống ở chỗ an vui. Người tại gia ở chỗ trói buộc, người xuất gia ở chỗ giải thoát. Người tại gia ở chỗ tai hại, người xuất gia ở chỗ không tai hại. Người tại gia ở chỗ tham lam lợi lạc, người xuất gia không tham lam. Người tại gia ở

chỗ náo nhiệt, người xuất gia ở chỗ thanh tịnh. Người tại gia ở chỗ thấp hèn, người xuất gia ở chỗ cao thượng, người tại gia bị phiền não nung nấu, người xuất gia tiêu diệt được phiền não. Người tại gia thường lo toan cho người khác, người xuất gia chỉ lo tu sửa bản thân. Người tại gia lấy khổ làm vui, người xuất gia lấy giải thoát làm vui. Người tại gia nuôi dưỡng gai góc, người xuất gia biết diệt trừ gai góc. Người tại gia thành tựu chuyện nhỏ nhoi, người xuất gia thành tựu việc trọng đại. người tại gia thật vô ích, người xuất gia rất hữu ích. Người tại gia bị tam thừa chê bai, người xuất gia được tam thừa ca tụng. Người tại gia không biết tri túc, người xuất gia luôn luôn tri túc. Người tại gia được Ma vương yêu thích, người xuất gia khiến Ma vương sợ sệt. Người tại gia có nhiều phóng túng, người xuất gia không phóng túng. Người tại gia chịu người sai khiến, người xuất gia làm chủ mọi sai khiến. Người tại gia ở chỗ hắc ám, người xuất gia ở chỗ quang đăng. Người tại gia Tăng trưởng ngã mạn, người xuất gia tiêu diệt ngã mạn. Người tại gia ít có phước báo, người xuất gia hưởng nhiều phước báo. Người tại gia nhiều siểm nịnh, người xuất gia có lòng chất trực. Người tại gia thường có nhiều ưu khổ, người xuất gia luôn được an vui. Người tại gia thường lừa dối, người xuất gia thì chân thật. Người tại gia thường bị tán loạn, người xuất gia không bị tán loạn. Người tại gia sống ở chỗ hay biến động, người xuất gia sống ở chỗ không thay đổi. Người tại gia như thuốc độc, người xuất gia như nước cam lồ. Người tại gia mất tư duy hướng nội, người xuất gia có tư duy hướng nội. Người tại gia không có chỗ quy y, người xuất gia có chỗ quy y. người tại gia có nhiều sân hận, người xuất gia có nhiều Từ bi. Người tại gia mang gánh nặng, người xuất gia trút gánh nặng. Người tại gia có tội lỗi, người xuất gia không có tội lỗi. Người tại gia luân chuyển trong vòng sanh tử luân hồi, người xuất gia có thời hạn. Người tại gia lấy tiền tài làm bảo vật, người xuất gia lấy công đức làm bảo vật. Người tại gia gia trôi theo dòng sinh tử, người xuất gia lợi ngược dòng sinh tử. Người tại gia là biển phiền não lớn, người xuất gia là bè thuyền lớn. Người tại gia bị dây dưa trói buộc, người xuất gia thoát khỏi trói buộc. Người tại gia bị Quốc vương giáo hóa, người xuất gia được Phật pháp giáo hóa. Người tại gia dễ kiếm bạn bè, người xuất gia khó kiếm pháp lữ. Người tại gia lấy tàn hại làm hơn, người xuất gia lấy nắm giữ làm hơn. Người tại gia Tăng trưởng phiền não, người xuất gia thoát khỏi phiền não. Người tại gia như ở giữa rừng gai, người xuất gia vượt khỏi rừng gai. Nay Văn-thù-sư-lợi! Nếu ta chê bai người tại gia, khen ngợi người xuất gia, dầu đem lời chất đầy hư không, cũng không thể diễn tả

đến cùng tận. Đấy chính là lỗi lầm của người tại gia và công đức của người xuất gia.”

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: “Tại gia gò bó như tù ngục, tất cả phiền não do đó sinh ra. Xuất gia rộng rãi như hư không, tất cả điều thiện nhờ đó Tăng trưởng. Người tại gia, trong thì bận bịu đến vợ con, ngoài thì ngược xuôi. Việc vua chúa nếu được giàu sang, sẽ sinh phóng túng, nếu bị nghèo hèn, sẽ sinh đói khổ phần uất. Công tư bề bộn, đêm ngày đăm chiêu, lăm việc rối lòng, sao rảnh tu đạo?”

Lại nữa, kinh Úc-già-trưởng-giả nói: “Người tại gia có nhiều phiền não: Cha mẹ vợ con, thương yêu quyến luyến, tiền tài sắc đẹp, mơ tưởng nặng lòng, tham lam không chán. Kiếm được lo giữ, bo bo không rời, đến nỗi lưu chuyển khắp cả sáu đường, ngang ngược xa lìa chánh pháp. Cần phải thành tâm sám hối, ghét bỏ mơ tưởng buông lung, chán chường cuộc sống trần thế, để phát nguyện xuất gia học đạo. Tại gia không thể tu tập cứu cánh Vô thượng Bồ-đề, chỉ nhờ xuất gia mới đạt được chánh quả. Tại gia là bụi ố, xuất gia là tốt lành. Tại gia là trói buộc, xuất gia là giải thoát. Tại gia chịu đựng đau khổ, xuất gia mới thật sự an vui. Tại gia là hèn hạ, xuất gia là cao sang. Tại gia là nô lệ, xuất gia là chủ nhân. Tại gia bị sai khiến, xuất gia được thung dung. Tại gia nhiều lo lắng, xuất gia hết ưu phiền. Tại gia là gánh nặng, xuất gia được nhẹ nhàng. Tại gia bị bận rộn, xuất gia được thanh nhàn”.

Lại nữa, kinh Xuất-gia-công-đức nói: “Nếu sánh với phóng thích nam nữ nô tỳ và tội nhân, xuất gia có công đức nhiều vô lượng. Nếu có người cúng dường các A-la-hán khắp bốn châu suốt trăm năm, cũng không bằng người vì cứu cánh Niết-bàn, xuất gia thọ giới một ngày đêm, công đức của người này sẽ nhiều vô lượng. Lại nữa, nếu sánh với xây tháp Phật bằng thất bảo cao đến tầng Trời Tam Thập Tam, cũng không bằng công đức xuất gia.”

Lại nữa, kinh Đại-duyên nói: “Nhờ một ngày đêm xuất gia, suốt 32 kiếp sẽ không bị đọa vào ba đường ác.”

Lại nữa, luật Tăng-kỳ nói: “Nhờ một ngày đêm xuất gia, giữ gìn phạm hạnh, sẽ xa lìa được sáu trăm sáu nghìn sáu mươi năm ở ba đường ác”.

Lại nữa, kinh Xuất-gia-công-đức nói: “Nếu gây khó khăn, cản trở cấm đoán kẻ xuất gia, người này sẽ bị mất Đức Phật tính, các điều ác sẽ tụ vào thân, lớn như biển cả, đời này sẽ bị phong cùi, khi chết, sẽ bị đọa vào địa ngục tối tăm, không có ngày ra.”

Lại nữa, kinh Ca-diếp-nói: “Bấy giờ, các vị đại vương và thái tử

nghe nói công đức xuất gia rất thâm sâu, đều phát tâm xuất gia, đến nỗi khắp bốn châu cùng phát nguyện xuất gia. Khi tất cả đã lần lượt xuất gia hết, không còn cày cấy, đồng ruộng tự nhiên sinh các giống lúa, cây cối sinh các loại áo quần và chư Thiên hiện ra chăm sóc, giúp đỡ mọi việc”.

Lại nữa, kinh Phật-tạng nói: “Nên nhất tâm hành đạo, y theo chánh pháp, đừng lo đến sinh kế. Khi cần, từ sợi mảy bạc của đức Phật sẽ cung cấp mọi thứ cho tất cả chúng sinh xuất gia trong thời mạt pháp, không bao giờ thiếu thốn”.

Lại nữa, kinh Hiền-ngu nói: “Nếu như trong đám trăm người mù, có lương y, chữa cho mắt họ đều sáng tỏ, trong đám trăm tội phạm bị móc mắt, có kẻ ra tay cứu thoát khỏi tội ấy, công đức của hai người này sẽ nhiều vô lượng, nhưng cũng không lớn bằng công đức của người cho phép kẻ khác xuất gia, hay tự mình xuất gia cầu đạo”.

Thứ ba: PHẦN THẾ PHÁT

Khi muốn Xuất gia, theo luật, trước hết mời hai vị thầy một là Hòa thượng, hai là Xà-lê. Luật Tát-bà-đa nói: “Nếu trước đó đã mời Hòa thượng xin thọ mười giới, dù Hòa thượng không hiện diện, vẫn được thọ mười giới. Nếu nghe tin Hòa thượng đã viên tịch, việc thọ giới không thành. Nếu không nghe tin Hòa thượng viên tịch, việc thọ giới vẫn thành tựu. Những trường hợp này cũng áp dụng chung cho Xà-lê”. Lại nữa, kinh Thanh-tín-sĩ-độ-nhân nói: “Nếu muốn thế phát, trước tiên lấy nước hương hoa tưới lên đất chỗ sắp thế phát một khoảng rộng bảy thước vuông, bốn góc treo tràng phan, bày một tòa cao cho người xuất gia, phía sau đặt hai tòa cao hơn, dành cho hai vị đạo sư. Người xuất gia mặc y phục thế gian, lạy Từ biệt cha mẹ ông bà xong, miệng đọc kệ rằng:

*“Litu chuyển trong tam giới,
Không thoát khỏi ái ân.
Nay từ bỏ, vào đạo,
Mới gọi là báo ân”.*

Đọc kệ xong, cởi y phục thế gian ra”. Luận Thiện-kiến nói: “Lấy nước hương hoa tắm rửa sạch mùi y phục thế gian”. Kinh Độ-nhân nói: “Tuy bắt đầu mặc áo xuất gia, cũng chỉ được mặc áo Nê-hoàn, Tăng và Tăng-kỳ-chi, chưa được mặc cà-sa. Khi vào đạo trường, người xuất gia đến quỳ dài trước Hòa thượng. Bảy giờ, Hòa thượng nên xem như con ruột, không được khinh dể. Người đệ tử xuất gia đối với vị đạo sư,

nên nghĩ như cha ruột, phải cung kính cúng dường. Sau khi nghe Hòa thượng thuyết pháp, khuyến khích xong, đệ tử xuất gia đến ngồi trước Xà-lê”. Luật Thiện-kiến nói: “Xà-lê lấy nước hoa rưới lên đỉnh đầu, rồi đọc kệ rằng:

*“Lành thay, đại trượng phu
Biết rõ đời vô thường!
Bỏ đời, tìm tịch lạc.
Hiếm thấy, khó nghĩ bàn!”*

Đọc kệ xong, Xà-lê dạy đệ tử xuất gia lạy chư Phật mười phương, rồi lại đọc kệ tán thán rằng:

*“Quy y đại Thế tôn
Cứu độ ba cõi khổ
Cùng nguyện các chúng sinh
Đều vào cõi tịnh lạc”.*

Sau khi đọc hết bài kệ này, Xà-lê bắt đầu thế phát cho đệ tử xuất gia. Kinh Độ-nhân nói: “Khi Xà-lê thế phát, đại chúng chung quanh tụng kệ xuất gia rằng:

*“Cắt tóc giữ chí tiết,
Dứt tình, hết kẻ thân.
Bỏ nhà vào cửa Phật,
Nguyện độ hết chúng sinh”.*

Khi thế phát, nên lưu lại năm ba sợi tóc trên đỉnh đầu. Đệ tử xuất gia đến quỳ dài trước Hòa thượng. Hòa thượng hỏi rằng: “Nay con bằng lòng cắt tóc trên đỉnh đầu chăng?” Đệ tử xuất gia đáp rằng: “Thưa tốt lắm!” Sau đó, Hòa thượng mặc giúp áo cà-sa”. Khi đang mặc, theo luật Thiện-kiến, lại đọc kệ rằng:

*“Lớn thay, áo giải thoát,
Áo phước điền vô tướng!
Mặc vào, kính giữ giới,
Độ hết mọi chúng sinh”.*

Theo Kinh Độ-nhân nói: “Mặc cà-sa xong, đệ tử xuất gia lạy Phật, đi vòng quanh ba vòng, đại chúng đạo đời đi theo sau. Đủ ba vòng, lại đọc kệ tỏ ý vui mừng:

*“Lành thay, người gặp Phật,
Ai ai cũng vui mừng!
Phước nguyện gặp duyên lành,
Nay tôi được pháp lợi”.*

Hết đi vòng, đệ tử xuất gia hành lễ tạ ơn đại chúng và hai vị Thầy,

rồi đi xuống ngồi cho gia đình hành lễ. Cha mẹ thân thích đều hành lễ, tỏ ý vui mừng được xuất gia thoát tục, tràn trên đạo tâm. Tốt nhất, trước và trong khi thế phát, nên bày cỗ chay cho mọi người đều dùng”. Theo luận Tỳ-ni-mẫu nói: “Sau khi thế phát, mặc cà-sa xong, Hòa thượng mới truyền thọ tam quy ngũ giới”. Có nhiều nghi thức khác, không thể nói ra hết. Tốt nhất, khi cử hành, nên tùy hoàn cảnh châm chước, sẽ sinh nhiều phước lành hơn nữa.

Thứ tư: PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Tạp-Bảo-Tạng nói: “Ngày xưa, có một phụ nữ đoan trang đẹp đẽ, thuộc hàng ngũ ngoại đạo, xuất gia tu hành. Mọi người hỏi rằng: “Nhan sắc xinh đẹp như thế, nên sống ở đời, tại sao xuất gia? Phụ nữ ấy đáp: “Hiện nay tôi vẫn còn đẹp, nhưng từ thuở nhỏ không ham nhục dục, nên mới xuất gia. Khi còn ngoài đời, nhờ đoan chính, tôi sớm lập gia đình, sinh được một bé trai. Đến khi khôn lớn, con tôi tuần tú vô cùng. Bỗng nhiên đâm ra gầy gò ốm yếu như đang mắc bệnh. Tôi bèn hỏi con: “Liệu mang bệnh gì?” Con tôi không chịu trả lời. Tôi cứ hỏi mãi, bắt đắc dĩ, nó mới đáp rằng: “Đúng ra, con không muốn nói, chỉ sợ không sống nổi. Nếu đem nói ra, thật đáng xấu hổ!” Rồi nó ngập ngừng nói với tôi rằng: “Con muốn cùng mẹ chung chạ dâm dục. Biết không thể được, đâm ra u uất thành bệnh”. Tôi trả lời: “Từ xưa đến nay, không có chuyện này! “Rồi tôi nghĩ lại, nếu không chịu theo ý con, sợ nó chết mất. Thà trái đạo đức, để con được sống. Suy nghĩ lại, tôi liền gọi con, đáp ứng cho nó. Con tôi sấp sửa lên giường, tự nhiên mặt đất nứt ra làm đôi, nó lập tức lọt xuống. Vô cùng kinh hãi, tôi đưa tay níu lấy con tôi, chỉ còn nắm được mớ tóc của nó, bây giờ hãy còn lại trong mình. Bị chuyện này ám ảnh ray rứt, tôi phải xuất gia”.

Lại nữa, Luận Trí Độ nói: “Trong Phật pháp, người xuất gia tuy phá giới mang tội, đến khi hết tội, sẽ được giải thoát”. Giống như trong kinh Ưu-bát-la-hoa-Tỳ-kheo-bản-sinh nói: “Khi đức Phật còn tại thế, Tỳ-kheo-ni này có đủ sáu phép thần thông và chứng được quả A-la-hán. Vào nhà các vị quý tộc, Tỳ-kheo-ni thường ca tụng công đức xuất gia, bảo các mệnh phụ rằng: “Chị em nên xuất gia”. Các mệnh phụ trả lời: “Chúng tôi đang tuổi thanh xuân, nhan sắc xinh đẹp, giữ giới rất khó, sợ sẽ phạm phải.” Tỳ-kheo-ni bảo: “Dù biết phá giới, vẫn nên xuất gia”. Các mệnh phụ thắc mắc: “Phá giới sẽ bị đọa địa ngục, làm sao dám phá?” Tỳ-kheo-ni đáp: “Bị đọa thì cứ đọa!” Các mệnh phụ cười rân lên, hỏi: “Địa ngục là chỗ chịu tội, làm sao dám xuống?” Tỳ-kheo-ni trả lời:

“Ta nhớ lại vào kiếp trước, làm đào hát ăn mặc đủ thứ áo quần và nói cười cợt nhả. Đồi lần còn mặc áo Tỳ-kheo-ni để làm trò. Vì thế, vào thời đức Phật Ca-diếp, ta được trở thành Tỳ-kheo-ni. Ý thị con nhà quý tộc đẹp đẽ, ta sinh lòng ngã mạn, phá giới, nên bị đọa địa ngục, chịu đủ mọi tội khổ. Khi hết tội, ta gặp đức Phật Thích-ca-Mâu-ni, xin xuất gia và chứng được quả A-la-hán. Ta dù có phá giới, cuối cùng vẫn đạt đạo quả. Lại nữa, khi đức Phật ở Kỳ-hoàn, có kẻ Bà-la-môn say rượu đến chỗ ngài xin làm Tỳ-kheo. Đức Phật bảo A-nan cạo tóc và mặc cho pháp phục. Khi tỉnh rượu, kẻ Bà-la-môn ấy vô cùng hoảng sợ, vì thấy thành Tỳ-kheo, liền bỏ chạy mất. Các Tỳ-kheo hỏi đức Phật rằng: “tại sao lại cho kẻ Bà-la-môn ấy làm Tỳ-kheo?” Đức Phật bảo: “Kẻ ấy từ vô lượng kiếp, không có tâm xuất gia. Nay tạm thời phát chút ít tâm ấy, sau này nhờ đó, sẽ xuất gia thành đạo”. Qua các nhân duyên trên đây, dễ thấy xuất gia có lợi ích rất lớn ấy là mang lại vô số công đức. Do đó, người đời tuy giữ gìn đủ năm giới cấm, cũng không bằng người xuất gia có công đức lớn lao hơn”.

Lại nữa, kinh Tạp-bảo-tạng nói: “Ngày xưa, Quốc vương Ưu-đà-tiện ở thành Lô-lưu là bậc thông minh đại trí, có hoàng hậu tên là Hữu Tướng thật đoan trang đạo đức, khiêm dung nhan tuyệt thế vô song, được nhà vua hết sức yêu vì. Theo phép nước ấy, nhà vua không tự mình đánh đàn. Bây giờ, hoàng hậu cùng nhà vua đang vui chơi ở chốn cấm cung, thấy được sủng ái nhiều, liền ép nhà vua đánh đàn rồi hoàng hậu đứng lên múa ca theo điệu nhạc. Nhà vua rất rành thuật xem tướng, khi hoàng hậu vừa vươn tay ra, đã thấy hiện rõ tướng chết. Tính lại số mệnh hoàng hậu chỉ sống được thêm bảy ngày. Nhà vua lập tức buông đàn, thở dài não nuột. Hoàng hậu vô cùng ngạc nhiên, bạch rằng: “Thiếp may được ân sủng, mới dám nhờ bệ hạ đánh đàn để múa hát vui chơi trong chốn cấm cung. Chẳng hay có chuyện gì không đẹp ý, khiến bệ hạ buông đàn thở dài, xin hãy nói cho thiếp biết”. Nhà vua không chịu nói ra. Hoàng hậu năn nỉ mãi, nhà vua mới nói thật chuyện ấy. Hoàng hậu hết sức lo sợ, bạch rằng: “Thiếp nghe Tỳ-kheo-ni ở thạch thất nói, nếu đem lòng tin tưởng xuất gia một ngày, chắc chắn sẽ được sinh lên cõi Trời. Thiếp muốn xuất gia, nguyện xin bệ hạ cho phép”. Quá yêu thương hoàng hậu, nhà vua bảo: “Đến ngày thứ sáu, sẽ để cho nàng xuất gia. Ta và nàng không đổi ý nhé!” Đến ngày ấy, nhà vua thề cùng hoàng hậu: “Nay nàng có lòng thành xuất gia, nếu được sinh lên cõi Trời, nhớ về gặp ta. Ta sẽ theo nàng!” nhà vua thề xong, hoàng hậu cùng bằng lòng, bèn xin xuất gia, thọ giới bát quan trai. Nội ngày hôm

ấy, hoàng hậu uống thuốc độc thạch mật, ruột co rút lại, đến sáng mai liền chết. Nhờ duyên lành xuất gia, được sinh lên cõi Trời. Nhớ lời thề cũ, hoàng hậu bay xuống gặp lại nhà vua, hào quang sáng láng chiếu diệu khắp hoàng cung. Nhà vua thấy làm lạ, hỏi rằng: “Người là ai?” Vị Trời đáp: “Thiếp là hoàng hậu Hữu Tướng của bệ hạ đây”. Nhà vua mừng rỡ nói: “Nàng hãy đến ngồi với ta”. Vị Trời ấy đáp: “Nay thiếp thấy bệ hạ hôi hám quá, không thể lại gần được. Vì nhớ lời thề cũ, nên mới xuống gặp lại bệ hạ”. Nghe hoàng hậu nói xong, nhà vua chợt tỏ ngộ, than rằng: “Vị Trời ấy vốn là hoàng hậu của ta, chỉ xuất gia một ngày, đã được sinh lên cõi Trời thanh cao thoát tục, thấy rõ thế gian ô trược. Tại sao ta lại không xuất gia? Ta từng nghe nói một cái vẩy của Trời bằng cả cõi Diêm-phù-đề. Giang sơn của ta có gì đáng để tham luyến?” nghĩ như thế xong, nhà vua truyền ngôi cho thái tử rồi xuất gia học đạo, chứng được quả A-la-hán.” Vì thế, luận Trí-độ có kệ nói rằng:

*“Khổng tước có lông trang sức thân
Không bằng hồng hạc biết bay cao.
Người đời giàu có mấy chạng nữa,
Không bằng xuất gia công đức sâu”.*

Lại nữa, kinh Tạp-thí-dụ nói: “Ngày xưa, có hai anh em con nhà rất giàu có, cha mẹ đều mất, không người an ủi. Hai anh em đều có chí hướng riêng: Người anh hâm mộ đạo nghĩa, người em chạy theo tiền tài. Người em thấy anh mình không chăm lo xây dựng sự nghiệp, nên giận hờn, trách rằng: “Cùng là anh em, cha mẹ mất sớm, đáng ra, anh phải cần mẫn lo toan làm ăn. Anh lại bỏ bê cơ nghiệp, chạy theo các Sa-môn nghe giảng Không luận. Các Sa-môn chẳng ban phát cơm áo tiền tài. Mai kia, lỡ gia đình lâm vào cảnh nghèo khổ, của cải tiêu tan, sẽ bị thiên hạ chê cười gia thế lụn bại. Chỉ nên kế tục sự nghiệp của cha mẹ là tròn hiếu đạo!” Người anh trả lời: “Giữ gìn năm giới cấm, thực hành mười điều thiện, cúng dường Tam bảo, đem đạo lý cảm hóa người thân, mới thật sự chí hiếu! Đạo với đời khác biệt, đó là lẽ tự nhiên. Điều mà đạo chuộng thì đời ghét bỏ, điều mà đời quý thì đạo xem thường. Trí với ngu không thể giống nhau, mưu cao thấp ở chỗ sáng tối. Cho nên, người có trí tuệ bỏ chỗ tối tìm ra chỗ sáng, vận dụng đạo để đạt chân lý. Nay điều em thích, chỉ là khổ đau giả dối. Em chưa nếm thử mùi vị đắng cay!” Người em nghe nói, nên giận, lắc đầu không tin. Thấy thế, người anh bảo rằng: “Em tham tài sản, lấy của làm quý; anh thích kinh sách, lấy tuệ làm quý. Anh muốn chia xẻ gia tài, đem trồng ruộng phước.

Mạng sống ở đời mỏng như hạt bụi. Một mai vô thường chợt đến, sẽ bị tội nghiệp hành hạ, cho nên, anh sẽ bỏ đời để trốn chỗ nguy nan, tìm về nơi an lạc”. Người em thấy rõ ý anh mình, im lặng không trả lời. Người anh bèn xuất gia làm Sa-môn. Ngày đêm tinh tiến ngồi thiền quán đứng theo chánh pháp, chẳng bao lâu chứng được đạo quả.

Phần người em nhớ lại lời anh, càng thêm giận dữ, càng tham lam tiền tài, tuyệt không màng đến chánh pháp. Sau khi chết đi, bị đọa xuống làm kiếp bò, to lớn mập mạp, được lái buôn mua về, bắt kéo xe muối đi bán. Trải mấy chuyến, bò gầy yếu mất sức, không thể đi nổi như trước. Mỗi lần lên dốc khó khăn, té xuống không gượng dậy được. Lái buôn đánh đập, lay đầu mới nhúc nhích. Bây giờ, người anh bay giữa không trung rong chơi, nhìn thấy em mình, liền gọi lớn rằng: “Em giữ sản nghiệp, nay mất đâu hết, đến nỗi bị đọa xuống làm bò?” Rồi dùng thần thông soi chiếu cho em thấy rõ bản thân. Người em rơi nước mắt than trách: “Do làm điều ác, ganh ghét bủn xỉn tham lam, không tin Phật pháp, khinh rẻ Tăng già, không nghe lời anh, bướng bỉnh tự phụ, nên bị đày đọa làm kiếp bò khổ cực, hối hận ăn năn không kịp!” Người anh thấu hiểu tâm trạng, động lòng Từ bi, liền đem mọi chuyện nói hết với lái buôn. Lái buôn nghe xong, cỡi bò giao cho người anh. Người anh dẫn về chùa, cho ăn uống đầy đủ và dạy niệm danh hiệu Tam bảo. Sau khi chết, bò được sinh lên cõi Trời Đao-lợi. Bây giờ, các lái buôn đều suy nghĩ rằng: “Chúng ta chỉ lo toan làm giàu, không biết bố thí, không biết đạo lý. Sợ chết đi, cũng sẽ bị thế thôi!” bèn rủ nhau xuất gia, bỏ lại vợ con, để lại của cải. Nhờ tinh tiến tu hành, đều được đắc đạo. Từ đó thấy ra, của cải thế gian thật vô ích. Biết tôn kính Tam bảo, tu thân học đạo, đời đời sẽ được an vui”.

Lại nữa, Kinh Phó-pháp-tạng nói: “Ngày xưa, Tôn giả La-hán Xà-dạ-đa dẫn các đệ tử đến thành Đức-xoa-thi-la. Khi vừa đến thành Tôn giả buồn bã không vui. Đi một quãng, thấy con quạ nhỏ, Tôn giả mỉm cười vui lên. Các đệ tử hỏi lý do, Tôn giả đáp rằng: “Khi mới đến dưới cổng thành, ta gặp một con quạ nhỏ rất đói, bảo ta rằng: “Mẹ tôi vào thành kiếm đồ ăn cho tôi đã năm trăm năm nay, tôi đói khát kiệt sức, sắp chết đến nơi. Tôn giả vào thành, nếu gặp mẹ tôi, xin nóiùm nỗi khổ của tôi và nhắn mẹ tôi ra mau”. Ta vừa vào thành, liền gặp quạ mẹ. Ta nhắn lại lời quạ con, quạ mẹ nói rằng: “Tôi vào trong thành đã năm trăm năm nay, nhưng chưa gặp đờm dãi của người nào khác nhỏ cả. Tôi lại vừa sinh xong, sức lực suy yếu, dẫu gặp chút ít, bọn quạ khác cũng sẽ giành mất. Nay mới gặp một người nhỏ ra chút ít, muốn đem ra

cồng thành, mẹ con chia nhau ăn, nhưng dưới cổng thành có nhiều quỷ chúa đang chực sẵn, nên không dám ra. Xin Tôn giả thương xót đưa giúp tôi ra”. Ta bèn dắt quỷ mẹ ra cho quỷ con cùng ăn. Ta hỏi quỷ mẹ: “Sinh ra lúc nào?” Quỷ mẹ đáp: “Tôi thấy thành này đã trải qua bảy phen thành hoại”. Nghe quỷ mẹ nói, ta đâm buồn bã về lẽ sống chết và chịu khổ quá lâu dài. Còn chuyện quạ con kia, cách đây chín mươi một kiếp, vào thời đức Phật Tỳ-bà-thi, ta là con của vị Trưởng giả, ao ước muốn xuất gia. Hồi đó, nếu xuất gia, ta đã chứng được quả A-la-hán. Cha mẹ ta không cho phép, ép ta cưới vợ. Cưới xong, ta lại muốn xuất gia. Cha mẹ ta bảo: “Ráng sinh được một bé trai, sẽ cho ra đi”. Ta nghe lời cha mẹ, khi sinh được con trai lên sáu tuổi, ta lại muốn xuất gia. Cha mẹ ta dạy đứa bé ấy ôm lấy chân ta, khóc òa lên và nói với ta rằng: “Nếu cha bỏ con, ai sẽ chăm sóc nuôi con? Xin hãy giết con rồi đi!? Thấy thế, ta động lòng thương yêu, liền bảo con ta: “Vì thương con, cha sẽ không xuất gia nữa”. Đứa con ấy, từ chín mươi một kiếp qua, bị lưu chuyển trong năm đường ác, ta không còn thấy lại. Nay dùng mắt pháp nhìn con quạ kia, chính là đứa con của ta trong tiền kiếp ấy. Động lòng thương xót nó ngu si, bị đọa đầy trong vòng sinh tử, nên ta mỉm cười”. Do đó, nếu kẻ nào cản trở người xuất gia, sẽ bị tội nghiệp luân lưu trong đường ác, chịu đủ mọi thống khổ, không được giải thoát. Khi hết tội, sinh lên làm người, đui mù không có mắt. Vì thế, bậc trí giả thấy người khác muốn xuất gia, thường dùng mọi cách, ân cần khuyến khích, giúp đỡ người ấy hoàn thành tâm nguyện, tuyệt không tỏ ý cấm ngăn”.

Lại nữa, kinh Xuất-gia-công-đức nói: “Xưa kia, khi còn tại thế, đức Phật cùng A-nan vào thành Tỳ-xá-ly khát thực, gặp hoàng tử tên Bử-la-tiện-na đang cùng các thể nữ vui chơi trên lầu cao. Nghe tiếng âm nhạc, đức Phật bảo A-nan: “Ta biết hoàng tử này sẽ chết sau bảy ngày nữa. Nếu không xuất gia, sẽ bị đọa vào địa ngục”. A-nan nghe nói, liền bước lên lầu cảm hóa, khuyên nhủ hoàng tử xuất gia. Nghe lời, hoàng tử vui chơi thỏa thích suốt sáu ngày liền. Đến ngày thứ bảy, xin xuất gia cùng đức Phật, tinh tiến giữ giới trọn một ngày đêm. Khi mệnh chung, được sinh lên Trời Tứ Thiên Vương, làm con của Bắc Thiên vương Tỳ-Sa-môn, hưởng đủ mọi thú ngũ dục với các thể nữ. Đủ năm trăm kiếp, hết thọ mạng của Trời, sinh vào Trời Đao-lợi, làm con của Đế-thích, hưởng thọ được một ngàn tuổi. Sau đó, sinh vào Trời Diệm-ma, làm con của Thiên vương, thọ được hai ngàn tuổi. Sau đó, sinh vào Trời Đâu-suất, cũng làm con của Thiên vương thọ được bốn ngàn tuổi. Sau đó, sinh vào Trời Hóa Lạc, làm con của Thiên vương, thọ được tám

ngàn tuổi. Ở đây mệnh chung, lại sinh vào cõi Trời thứ sáu Tha Hóa Tự Tại, làm con của Thiên vương, cùng các thể nữ hưởng đủ thú ngũ dục, nhất là thú thứ năm, hưởng thọ được mười sáu ngàn tuổi. Ở cõi Trời Lục Dục cũng hưởng thọ như thế. Qua lại bảy lượt, không hề giảm sút tuổi thọ. Sau đó xuất gia suốt hai mươi kiếp, không đọa vào đường ác, luôn luôn sinh lên cõi Trời, hưởng thụ đầy đủ phước báo. Cuối cùng, đầu thai xuống làm con nhà giàu có, Tuổi trẻ qua xong, tuổi già chán đời, xuất gia tu đạo thành Bích-chi Phật, hiệu là Tỳ-lưu-đế-lê, độ khắp cả Trời người”. Do đó, công đức xuất gia thật vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Giả sử có người tận tâm cúng dường đủ bốn thứ cho tất cả các A-la-hán khắp bốn châu suốt trăm năm, khi các A-la-hán nhập Niết-bàn, đều xây bảo tháp và dâng cúng đủ thứ hương hoa anh lạc, cũng không thể sánh bằng công đức xuất gia giữ giới trọn một ngày đêm. Có thể nói rằng xuất gia thật đáng tôn quý, nên không được vì chút tiền tài thanh sắc, đắm ra mê luyện thế gian, đến nỗi rơi vào vòng sinh tử, tự chuốc lấy đau khổ cho chính bản thân”.

Lại nữa, Kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: “Đề-bà-đạt bạch cùng đức Phật: “Xin cho phép tôi được vào đạo”. Đức Phật bảo: “Người nên ở nhà chăm lo bố thí. Làm Sa-môn thật ra, rất khó”. Đề-bà-đạt năn nỉ hai lần, đức Phật đều bảo không thể xuất gia. Đề-bà-đạt sinh ra nghĩ xấu: “Ông Sa-môn này có lòng ganh ghét, ta cứ tự mình gọt tóc, tu hành phạm giới. Cần gì để ý đến lời ông ta!” về sau Đề-bà-đạt phạm năm tội nghịch, mang ác tâm muốn tới chỗ đức Phật để làm hại. Vừa hạ chân xuống, lập tức cơn gió lửa từ lòng đất nổi lên, cuốn lấy Đề-bà-đạt, rồi thiêu đốt mãnh liệt. Đề-bà-đạt kinh hoảng, tỏ ý ăn năn, liền niệm lớn Nam-mô Phật, nhưng không còn kịp, phải rơi xuống địa ngục. A-nan buồn bã khóc than rằng: “Đề-bà-đạt phải ở trong địa ngục đến bao lâu?” Đức Phật bảo: “Trải qua một kiếp lớn, khi mệnh chung, sẽ được sinh lên cõi Trời Tứ Thiên vương, lần lượt đến cõi Trời Tha Hóa Tự Tại. Suốt 60 kiếp không đọa vào ba đường ác. Sau cùng sẽ thành Bích-chi Phật, hiệu là Nam-mô, do khi mệnh chung, có niệm Nam-mô Phật”. Bấy giờ, Đại Mục-kiền-liên thưa rằng: “Tôi muốn xuống địa ngục A-tỳ thăm hỏi, an ủi và chúc mừng Đề-bà-đạt”. Đức Phật bảo: “Tội nhân trong địa ngục ấy không hiểu tiếng người”. Mục-liên bạch rằng: “Tôi biết đến 6 mươi bốn thứ tiếng, xin đem ra nói với tội nhân trong đó”. Rồi nhanh như co duỗi cánh tay, Mục-liên bay đến trên địa ngục A-tỳ, kêu lớn giữa hư không: “Hỡi Đề-bà-đạt!” Cai ngục hỏi: “Trong này có mấy Đề-bà-đạt từ thời đức Phật Câu-lâu-tần và thời đức Phật Ca-diếp, ngài gọi Đề-bà-

đạt nào?” Mục-liên đáp: “Ta gọi Đề-bà-đạt là anh em chú bác với đức Phật Thích-ca Văn”. Cai ngục đang thiêu đốt tội nhân, vội lay cho Đề-bà-đạt tỉnh dậy và nói: “Hãy ngược nhìn lên không trung”. Đề-bà-đạt thấy Đại Mục-liên ngồi trên tòa sen báu, liền bảo rằng: “Cớ sao Tôn giả lại hạ mình đến chốn này?” Mục-liên đáp: “Đức Phật thọ ký cho người, vì muốn hại ngài nên phải bị đọa xuống địa ngục A-tỳ, sau này sẽ thành Bích-chi Phật, hiệu là Nam-mô”. Đề-bà-đạt nghe xong, hờn hờ bảo rằng: “Tôi nay dù phải trải qua một kiếp nằm nghiêng trong địa ngục này, cũng không cảm thấy mệt mỏi”. Mục-liên lại hỏi thêm: “Đau đớn có gia giảm chút nào không?” Đề-bà-đạt đáp: “Cai ngục lấy bánh xe thép nóng nghiền nướng cho thân thể cháy ra, lại lấy chày thép giã thối cho mềm như rồi voi đen hung dữ dẫm đạp nát bậy. Còn có núi lửa đè lấy mặt. Áo cà-sa trước đây cũng biến thành lá đồng siết chặt vào người. Xin cho tôi gửi đầu và mặt về kính lạy dưới chân đức Thế-tôn cùng Tôn giả A-nan luôn thể”. Nghe xong Mục-liên bèn vận dụng thần thông bay về thưa lại cùng đức Phật”. Lại nữa, luận Trí-độ nói: “Đệ tử của Đề-bà-đạt tên là Câu-ca-ly, vì phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nên khi chết, bị đọa xuống địa ngục Liên Hoa”.

Lại nữa, kinh Bản-khởi nói: “Đề-bà-đạt được gọi là Cù-hòa-ly”. Lại nữa, kinh Trung-bản-khởi nói: “Đề-bà-đạt, dịch theo tiếng Tê, nghĩa là Thiên Nhiệt, vì khi Đề-bà-đạt-đa sinh ra, tất cả Trời người đều kinh hãi, tâm ý nóng ran lên, nên mới gọi như thế”.

Lại nữa, luận Vô-tính-nhiếp nói: “Đề-bà, đời Đường dịch là Thiên Thọ, còn dịch là Thiên Dữ, nghĩa là con do cầu Trời mà sinh ra, nên mới gọi như thế”.

Lại nữa, Kinh Báo-ân nói: “Chuyện Đề-bà-đạt-đa thì thế này: Vào thời quá khứ xa xưa, không thể tính nổi, có đức Phật ra đời, hiệu là Ứng Hiện. Sau khi đức Phật ấy nhập diệt, trong thời tượng giáo, có vị Thiên sư ở giữa rừng sâu thường lo bị rận cắn, đã giao ước với rận rằng: “Khi ta tọa Thiền, người nên ở yên”. Rận nghe lời. Được một thời gian, con rận hoang đến bên rận ấy tỏ vẻ hỏi: “Vì cớ gì mình mấy bận mập mạnh đến thế?” Rận ấy đáp: “Tôi nghe lời ông chủ tu Thiền dạy cho phép ăn uống điều độ, nên mới được thế này”. Rận hoang nói: “Tôi cũng muốn sống theo cách ấy”. Rận đáp rằng: “Tùy bạn lo liệu mà thôi”. Bấy giờ Thiên sư đang thanh thản tọa Thiền, rận hoang ngửi thấy mùi máu thơm ngon, không nhịn được, liền cắn hút vào. Thiên sư sinh bực bội, vội cởi áo đem đốt cháy. Đức Phật bảo: “Thiên sư tọa Thiền đương thời chính là Ca-diếp hiện nay. Rận hoang đương thời chính là

Đề-bà-đạt hiện nay. Còn rận đương thời chính là ta hiện nay. Đề-bà-đạt-đa vì ham lợi, đã hại đến ta, nhưng ta đã thành Phật. Nay cũng vì ham lợi, toan phạm đến thân ta phải đổ máu, nên bị đày xuống địa ngục. Từ vô lượng kiếp trước, Đề-bà-đạt-đa luôn luôn mang ác tâm làm hại ta. Nếu đem nói đầy đủ, hết kiếp cũng không thể cùng tận!”

Lại nữa, kinh Tạp-bảo-tạng nói: “Đức Phật ở nước Ca-tỳ-la-vệ, vào thành khất thực, đến nhà em ngài là Tôn-đà-la-Nan-đà. Bấy giờ, Tôn-đà đang trang điểm cho vợ, dùng màu thơm vẽ giúp mày. Nghe báo đức Phật vào đến cửa, mới bước ra tham kiến. Vợ nũng nịu bảo: “Ra gặp đức Phật một lát thôi, mày chưa khô là phải vào lại đó!” Nan-đà bước ra đảnh lễ, lấy bát đựng đồ ăn dâng lên cúng dường. Đức Phật không nhận. Mang đến giao cho A-nan, cũng không nhận giúp, bảo rằng: “Người nhận bát ở người nào thì phải cúng dường người đó”. Nan-đà đành mang bát đi tìm đức Phật tận Tinh xá Câu-lũ. Đức Phật sai vị lo thế phát gọt tóc cho Nan-đà. Nan-đà không chịu, vung tay giận dữ nói rằng: “Liệu người có thể gọt tóc hết cả dân chúng thành Ca-tỳ-la-vệ này chăng?” Đức Phật hỏi vị lo thế phát: “Tại sao chưa gọt tóc Nan-đà?” Vị ấy thưa: “Vì sợ quá, tôi chưa dám gọt!” Đức Phật cùng A-nan đến đứng bên cạnh, Nan-đà sợ uy, để yên cho vị ấy gọt tóc. Sau đó, dù đã gọt tóc, Nan-đà vẫn muốn trốn về nhà. Đức Phật biết ý, thường dắt theo bên ngài, nên Nan-đà không thể trốn được. Một hôm, đến lượt ở lại giữ phòng, Nan-đà mừng rỡ bảo: “Cơ hội hôm nay thật thuận tiện, có thể về nhà được rồi! Đợi đức Phật và Tăng chúng đi khá xa, ta sẽ bỏ trốn là xong!” Nan-đà lo mức nước. Bình này vừa đầy thì bình kia ngã xuống. Cứ thế, không thể mức đầy. Nan-đà lẩm bẩm: “Nếu không đầy bình, các Tỳ-kheo về mức lấy! Ta cứ dẹp bình vào phòng mà đi”. Nan-đà lập tức đóng cửa. Vừa đóng xong cánh này, cánh kia lại bật ra. Đóng xong cửa này, cửa kia lại bật ra. Bực dọc, Nan-đà nghĩ rằng: “Nếu quần áo đồ đạc của Tăng chúng mất mát, nhà ta giàu có, đủ sức bồi thường”. Ra khỏi phòng, Nan-đà suy nghĩ: “Đức Phật chắc sẽ về theo đường này, ta nên đi theo lối tắt kia”. Đức Phật đã biết ý, ngài trở về theo lối tắt. Thấy đức Phật từ xa, Nan-đà chạy đến trốn phía sau gốc cổ thụ. Thân cây nhắc tuốt cây lên giữa không trung, cả người Nan-đà lộ thẳng ra. Đức Phật bèn dắt về lại Tinh xá, hỏi rằng: “Có phải người nhớ vợ không?” Nan-đà đáp: “Thưa phải.” Đức Phật liền dắt Nan-đà lên núi A-na-ba rồi hỏi rằng: “Vợ người đẹp không?” Thưa rằng: “Đẹp lắm”. Thấy trên núi có con khỉ các già bị đui mắt, đức Phật hỏi tiếp: “Tôn-đà vợ người mặt mày đẹp đẽ hơn con khỉ cái này không?” Nan-đà bực

mình suy nghĩ: “Vợ ta nhan sắc tuyệt thế vô song, cơ sao đức Phật lại đem so sánh với con khỉ cái đuôi mắt này?” Đức Phật lại dắt Nan-đà lên Trời Hóa Lạc, dạo xem khắp các thiên cung, gặp các thiên tử và Thiên nữ vui chơi với nhau rất vui vẻ. Riêng trong thiên cung kia có khoảng năm trăm Thiên nữ, nhưng không thấy các thiên tử. Nan-đà hỏi lý do. Đức Phật đáp: “Người nên tự mình tìm hiểu”. Nan-đà bèn đến hỏi rằng: “Các thiên cung đều có thiên tử, tại sao ở đây không có?” Các Thiên nữ đáp: “Bởi Nan-đà là em của đức Phật ở cõi Diêm-phù-đề được ngài ép xuất gia, sau khi mệnh chung, nhờ đó, sẽ sinh lên đây làm thiên tử”. Nan-đà mau miệng trả lời: “Chính là ta đây!” Rồi ngỏ ý muốn ở luôn. Các Thiên nữ đáp: “Chúng tôi là Trời, ông còn là người. Trời, người khác đường. Xin hãy về trú ở kiếp người, sinh lên đây, mới được ở chung”. Nan-đà đành trở ra bạch lại mọi chuyện. Đức Phật bảo: “Nhan sắc vợ người so với các Thiên nữ thì thế nào?” Tôn-đà đáp: “So với các Thiên nữ, vợ tôi giống con khỉ cái già đuôi mắt kia!” đức Phật dắt Nan-đà trở về lại Diêm-phù-đề. Nóng lòng muốn sinh lên cõi Trời ấy, Nan-đà chăm lo giữ giới tu trì. Thấy thế A-nan nói kệ rằng:

*“Như dê thiến đánh nhau,
Xông trước lại lùi sau,
Người này cố giữ giới,
Cũng chẳng khác gì đâu!”*

Đức Phật lại dẫn Nan-đà xuống địa ngục, thấy các vạc nấu nước sôi đều có tội nhân, chỉ còn một cái nước sôi phừng phừng, không có người. Lấy làm lạ, Nan-đà hỏi lý do, đức Phật đáp: “Người nên tự mình tìm hiểu”. Nan-đà hỏi cai ngục: “Các vạc kia đều có tội nhân, cơ sao vạc này chẳng thấy ai?” Cai ngục đáp: “Trên cõi Diêm-phù-đề có đệ tử của đức Phật tên Nan-đà. Nhờ công đức xuất gia, đáng lên cõi Trời, vì tội muốn bỏ đạo, khi chết, sẽ bị đọa xuống địa ngục. Vì thế, ta nấu sẵn vạc này để chờ tội nhân Nan-đà ấy!” Vừa nghe xong Nan-đà run rẩy lập cập, sợ cai ngục giữ lại, liền niệm: “Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Phật-đà, xin đưa giúp tôi về lại cõi Diêm-phù-đề!” Đức Phật bảo: “Từ nay, liệu người chịu siêng năng giữ giới tu hành để hưởng phúc ở cõi Trời nữa không?” Nan-đà đáp mau: “Không cần phải sinh lên cõi Trời, chỉ cầu mong đừng bị đọa xuống địa ngục này mà thôi!” Đức Phật bèn thuyết pháp cho nghe, chỉ trong một tuần, Nan-đà đã chứng được quả A-la-hán. Các Tỳ-kheo ca tụng rằng: “Đức Thế-tôn ra đời giáo hóa, thật lạ! Thật kỳ!” Đức Phật bảo: “Chẳng phải hôm nay như thế, từ xa xưa, cũng đã như thế”. Các Tỳ-kheo bạch rằng: “Từ xa xưa, cũng đã như thế,

chuyện ấy ra sao, xin đức Thế-tôn nói cho chúng con được biết”. Đức Phật bảo: “Ngày xưa, nước Ca-thi có Quốc vương tên là Mãn Diện, bên nước lân bang Tỳ-đề-hy có dân nữ nhan sắc tuyệt vời. Hai nước ấy vốn thù ghét nhau. Nịnh thần của Quốc vương Ca-thi tâu lên: “Bên nước Tỳ-đề-hy có dân nữ xinh đẹp tuyệt thế vô song”. Quốc vương nghe xong, đâm ra mê mẩn, sai sứ sang cầu xin. Nước ấy không chịu. Quốc vương lại sai sang năn nỉ: “Xin tạm rước về bốn năm hôm, rồi sẽ đưa sang trả lại”. Quốc vương nước ấy kêu dân nữ dặn dò: “Nhan sắc và mảnh khéo, người đều có đủ, khá liệu cách mê hoặc Quốc vương Ca-thi, không thể rời người nửa bước nửa giây”. Rồi sai lên đường. Mấy hôm sau, lại cho gọi về: “Sắp có tế lớn, tạm thời đón về. Tế xong, sẽ đưa sang”. Quốc vương Mãn Diện đành phải cho về. Nghe tế xong, Quốc vương sai sứ sang đón. Quốc vương Tỳ-đề-hy đáp: “Ngày mai mới đi được”. Qua ngày mai, không thấy cho đi. Cứ thế, lần nữa gặt hoài. Quốc vương Mãn Diện quá si tình, toan dẫn mấy kẻ hầu sang thẳng nước ấy tìm kiếm dân nữ. Đình thần khổ công can gián, Quốc vương nhất định không nghe. Bấy giờ, trong núi Tiên Nhân có con khỉ chúa thông minh, hiểu biết rất nhiều, chẳng may vừa chết vợ, liền chọn một con khỉ cái đem về. Bầy khỉ nổi giận, la hét rân lên: “Khỉ cái ấy là của chung toàn bầy, cớ sao chiếm giữ một mình?” Khỉ chúa thấy không yên thân, ôm khỉ cái chạy thẳng tới hoàng cung của Quốc vương Mãn Diện. Bầy khỉ hòa nhau rượt theo, vào được đại nội. Bọn chúng nổi quạu, tuôn ngói, đập tường, phá phách lung tung, không ai cản nổi. Quốc vương hỏi khỉ chúa: “Tại sao nhà ngươi không chịu trả khỉ cái về với bầy?” Khỉ chúa đáp: “Tôi góa vợ, không còn vợ nào, làm sao trả được!” Quốc vương bảo: “Nay bầy khỉ phá phách ta như thế, liệu ngươi còn chưa chịu trả?” Khỉ chúa hỏi lại: “Chuyện ấy không nên chăng?” Quốc vương đáp: “Không nên”. Khỉ chúa hỏi đi hỏi lại ba lần, Quốc vương đều đáp không nên. Bấy giờ khỉ chúa mới nói rằng: “Trong cung có đến tám vạn bốn nghìn mỹ nữ, Quốc vương không đủ yêu thương, còn sang nước cừu địch tìm dân nữ. Tôi đã mất vợ, chỉ có độc nhất con khỉ cái này, Quốc vương lại bảo không nên! Lại nữa, muôn dân đều trông cậy vào Quốc vương để sống còn, chỉ vì một dân nữ, tại sao Quốc vương toan bỏ hết quốc gia đại sự? Quốc vương nên biết rằng dân nữ vốn khổ nhiều vui ít. Giống như ngược gió cầm đuốc lớn, ngu si không chịu buông tay, chắc chắn sẽ bị phỏng nặng. Dân nữ dơ ứ chẳng khác đồng phân kia. Dân dục khiêu khích ngoài da, mỏng manh che đậy. Dân nữ phản phúc như rắn độc thoa phân. Dân dục là kẻ cướp tham tàn giả vờ thân thiết. Dân dục chỉ

là vay nợ, chắc chắn phải trả lãi nhiều. Dâm dục thật đáng gớm ghiếc, tựa như hố xí mọc hoa. Dâm dục giống như ghẻ ngứa đem gãi bên lửa, càng thấy xốn xang hơn. Dâm dục như chó đói gặm xương khô, tự nuốt dãi mình, cho là ngọt béo, đến khi mỡ mòn răng rụng, vẫn không chán chê. Dâm dục giống như khát quá, uống nhầm nước biển, càng bị khát hơn. Dâm dục giống như thịt thối, lũ kên tranh nhau. Dâm dục giống cá giành môi, háu ăn mất mạng. Tai họa của dâm dục thật lớn vô cùng”.
 Nay, các Tỳ-kheo! Khi chúa đương thời chính là ta đây. Quốc vương Mãn Diện đương thời, chính là Nan-đà. Dâm nữ đương thời chính là Tôn-đà-lợi. Lúc bấy giờ, ta đã cứu vớt Nan-đà khỏi chỗ dâm dục ô uế xấu xa, nay ta lại ra tay cứu vớt khỏi vòng sinh tử lẫn quẩn”.

Kinh Vị-tăng-hữu nói: “Năm lên chín tuổi, La-hầu-la xuất gia làm Sa-di. Nhà vua ban sắc kêu gọi năm mươi vị thần vương, hoàng tử cùng xuất gia theo La-hầu-la. Xá-lợi-phất làm Hòa thượng, Đại Mục-kiền-liên làm a-Xà-lê truyền mười giới cho đại chúng. Mẹ của La-hầu-la là Da-du-đà-la làm vương phi của thái tử chưa đầy ba năm cũng xuất gia.

Lại nữa, kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Có bốn họ xuất gia, không được dùng họ cũ, chỉ được gọi là Sa-môn con của Thích-ca. Bởi vì sinh ra do ta, thành tựu do pháp, giống như bốn biển lớn đều phát sinh từ suối nguồn A-nậu”.

Lại nữa, luật Sa-di-tắc nói: “Này, các Tỳ-kheo! Trăm họ xuất gia, đều bỏ họ mình, gọi chung là Sa-môn Thích tử”.

Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: “Khi đức Phật Di-lặc ra đời, các đệ tử Tỳ-kheo gọi là Từ tử (con của đức Phật Từ Thị). Nay đệ tử của ta cũng được gọi là Thích tử (con của đức Phật Thích-ca).

Kính xem đấng đại giác giáng trần ứng thế, linh tích ghi chép khắp sách thế gian. Thế nên, hậu duệ thừa kế Thánh minh, cháu con sinh sôi đông đúc mãi mãi muôn đời, mới có khả năng hộ trì giáo hóa mọi sinh linh. Hơn nữa, bốn sông lớn đều tuôn về biển, được gọi chung là đại hải; bốn họ cùng xuất gia cầu đạo, được gọi hết là Thích. Có thể nói, gom góp hết mọi nguồn ngọn khác nhau, nhưng cùng chứa chung đạo vị giải thoát vậy.

Tụng rằng:

*Túc nhân đã chín,
 Giáng thế cứu đời.
 Thoát khỏi trần tục,
 Chứng đạo tuyệt vời.
 Tịch lặng phát tuệ,*

*Huyền diệu không lời.
 Thể hội đại đạo,
 Cởi bỏ lưới đời.
 Tinh tiến tu học,
 Uống cam lộ Trời.
 Công đức còn mãi,
 Hộ trì không vơi!
 Trang nghiêm sắc tướng,
 Cát bước thanh thời.
 Ta, người chẳng khác,
 Pháp lữ mà thôi!*

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Dẫn chứng sơ lược 5 chuyện linh nghiệm:

1. Sa-môn Trí nghiêm đời Tống
2. Sa-môn Cầu-na-bạt-ma đời Tống
3. Sa-môn-ni Đàm Huy đời Tống
4. Cư sĩ Triệu Tập đời Tống
5. Hai người con gái họ Luân ở Đông Quan đời Tống.

1- Chùa Chỉ-viên ở kinh đô nước Tống có Sa-môn Trí Nghiêm, vốn người châu Tây Lương, xuất gia từ nhỏ, tinh thành nổi tiếng. Từng du học Ấn Độ để tham cứu Thiền chỉ, thông hiểu Không luận, không ai sánh kịp. Sau trở về miền Tây Lương, mang theo kinh điển bằng Phạm văn, nhưng chưa tiện dịch. Năm Nguyên Gia thứ tư đời Tống Văn đế (427) Sa-môn hợp tác với Pháp sư Bảo Vân dịch ra Hán văn. Ngài không nhận lời mời riêng của thí chủ, chỉ lo tự túc sinh hoạt. Cơ duyên hóa độ thật diệu kỳ, hai cõi âm dương đều tuân phục. Có người từng gặp quỷ kể lại, thấy bọn quỷ ở đền thờ lớn tại Tây Lương nói với nhau: Ông Nghiêm đang đến, phải tránh cho mau!” Người này không hiểu. Một lát sau, thấy ngài đi đến, hỏi thăm tên, tự xưng là Trí Nghiêm, nên càng âm thầm kính trọng hơn nữa. Dị Nghi kể cho Tiêu Tư, người Giang Lăng, chuyện vợ là Lưu Thị mắc bệnh quỷ ám. Thường thấy quỷ xông đến kêu réo, làm cho sợ hãi, Phải mời ngài đến chữa trị. Ngài vừa vào nhà trước, Lưu thị thấy bầy quỷ kéo nhau chạy tán loạn. Ngài giởng kính cho phu nhân ấy nghe, bệnh liền giảm. Nhân đó, xin thọ trì ngũ giới, cả nhà đều quy y thờ Phật. Ngài sống thanh cao đạm bạc, vừa được cúng dường, liền đem bố thí. Từ nhỏ, ngài đã làm du Tăng, càng không vướng bận vật chất. Bản tính khiêm nhường, không nói về mình,

dầu có nhiều đạo hạnh, nhưng không được lưu truyền. Thuở chưa xuất gia, ngài đã thọ ngũ giới, thỉnh thoảng phạm phải. Về sau xuất gia, khi thọ giới cụ túc, thường nghi ngờ không đắc giới, ngài lấy làm lo lắng. Nhiều năm quán tưởng, ngài vẫn không giải nổi mối nghi nan, bèn vượt biển sang lại Ấn Độ, tham kiến các vị Tỳ-kheo đã chứng quả A-la-hán, bày tỏ sự tình. Các vị A-la-hán cũng không dám quyết đoán; phải nhập định, lên thiên cung Đao-lợi tham vấn Bồ-tát Di-lặc, được đáp rằng đắc giới. Nghe báo tin lành, ngài mừng rỡ vô cùng, liền theo đường bộ về nước. Đến Kế-tân, tự-nhiên viên tịch, không có bệnh gì, thọ được 78 tuổi. Nước ấy có lệ hỏa thiêu Thánh Tăng phạm Tăng hai chỗ khác nhau. Ngài đạo hạnh cao siêu, nhưng không ai biết rõ, phải táng vào khu mộ Phạm Tăng. Xác ngài bỗng hóa nặng, không tài nào khiêng nổi, phải đưa sang khu mộ Thánh Tăng. Lại thay, xác hóa nhẹ, khiêng đi như không. Chuyện này do hai đệ tử của ngài là Trí Minh và Trí Viễn sang báo cho hay, rồi lại trở về bên nước ấy. Có thể đoán chắc rằng ngài đã đắc đạo, nhưng không biết chứng quả cao thấp bậc nào.

2- Chùa Kỳ-hoàn ở kinh đô nước Tống có pháp sư Cầu-na-hạt-ma (Nghĩa là Giáp Trụ công đức), thuộc dòng dõi quý tộc, đời đời làm vua nước Kế-tân. Ngài nói năng lưu loát trí tuệ thông minh, độ lượng lớn lao, Từ bi bác ái, hâm mộ đạo đức. Tháng giêng năm Nguyên Gia thứ tám (431) Ngài đến Kiến Nghiệp, vua Tống Văn đế mới vào cung tham kiến, ân cần ủy lạo. Nhà vua nói: “Đệ tử muốn giữ chay tịnh, không phạm sát giới, nhưng hoàn cảnh bắt buộc nên chí nguyện không thành. Pháp sư không quản đường xa vạn dặm, sang đây giáo hóa, liệu có điều gì chỉ dạy đệ tử chăng?” Ngài đáp rằng: “Thiết nghĩ đạo cốt ở tâm, không phải ở chăm lo pháp vụ, do mình chứ không do người. Hơn nữa, bậc đế vương và kẻ dân thường tu đạo có chỗ khác biệt. Kẻ dân thường thân thế nghèo hèn, danh dự thấp kém, nói năng sai khiến không đủ uy nghi. Nếu không tu sửa bản thân, làm sao trở thành hữu dụng? Bậc đế vương lấy bốn biển làm nhà, vạn dân làm con, nói một lời hay, nam nữ đều đẹp dạ, ban một lệnh tốt, quỷ thần đều hợp lòng. Hình luật không xử tử trẻ nhỏ, lao động không phí phạm sức dân. Khiến cho mưa gió thuận hòa, ấm lạnh điều độ, lúa má tốt màu, dâu đay tươi sắc. Giữ chí chay kiêng như thế là chay kiêng rất lớn; giữ giới không giết như thế là không giết rất nhiều. Cần gì phải nhịn nửa buổi không ăn, tha một mạng thú không giết, mới gọi là tế độ hết thầy!” nhà vua vỗ ghe khen rằng: “Ôi! Kẻ phạm mê muội ở nghĩa lý viên vong, Sa-môn cố chấp vào giáo hóa thiển cận. Mê muội ở chân lý viên vong gọi

là cứu cánh hư vô không tưởng; cố chấp vào giáo hóa thiền cận gọi là câu nệ chương cú ngôn từ. Đến như lời chỉ dạy của pháp sư thật đáng gọi là phóng khoáng minh triết. Có thể cùng bàn luận đến phạm vi Trời người!” Rồi nhà vua ban sắc phong ngài làm trụ trì chùa Kỳ-hoàn và cúng dường rất trọng hậu, các bậc vương công danh tiếng đều tôn sùng. Ngài phiên dịch nhiều kinh luận, văn từ nghĩa lý chính xác rõ ràng, đối chiếu Hán Phạm minh bạch không sai (Công nghiệp này có chép đầy đủ ở sách cao Tăng-truyện). Bấy giờ các Tỳ-kheo-ni Tuệ quả và tịnh Am ở chùa Ảnh Phúc thỉnh cầu ngài rằng: “Cách đây sáu năm, có tám vị ni của nước Sư tử đến đây than phiền đất Tống xa xôi, chưa từng có ni, nữ giới đạo đời không chỗ thọ giới, sợ giới phẩm sẽ không được bảo toàn!” Ngài đáp: “Lâu nay, giới phẩm chỉ do chư Tăng truyền thọ. Nếu không xác đáng, sợ không đắc giới mà còn hại đến cơ duyên mộ đạo.” Các Tỳ-kheo-ni băn khoăn chư ni chưa đủ tuổi hạ, nhưng vẫn tha thiết muốn đổi thay phép truyền giới. Ngài khen rằng: “Lành thay, nếu muốn đổi thay cho sáng sủa hơn, ta rất tùy hỷ. Chỉ hiếm chư ni Ấn Độ chưa đầy tuổi hạ và số lượng chưa đủ. Tạm thời nên cho học tiếng nước Tống, ta sẽ nhờ các cư sĩ ở đây rước thêm một số ni người ngoại quốc cho được mười vị, rồi sẽ tính”. Mùa hạ năm ấy, ngài an cư tại chùa Định Lâm. Có tín chủ rải hoa lên pháp tọa, riêng hoa ở chỗ ngài màu sắc thắm tươi không héo, đại chúng càng tôn sùng như bậc Thánh. Xuất gia, ngài về chùa Kỳ-hoàn. Đến ngày hai mươi tám tháng chín, thọ trai chưa hết, ngài đã đứng lên và còn hỏi thăm các đệ tử. Những vị đến sau không kịp nữa, ngài đã lặng lẽ viên tịch, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Tăng chúng đỡ ngài lên Thiền sàng, thân sắc vẫn không biến đổi, giống như đang nhập định. Đại chúng hơn một ngàn người đều nghe mùi hương tỏa ra thơm ngát. Có một vật dài khoảng một trượng, tương tự loài Rồng, từ bên mình ngài bay thẳng lên Trời, không ai biết là gì. Đệ tử dùng củi tốt tẩm dầu thơm làm lễ hỏa thiêu. Lửa ngũ sắc bốc lên nghi ngút giữa lừng không. Tứ chúng vây quanh, kêu gào vang Trời. Tất cả đều khóc lóc nhìn theo, không ai cầm lòng được. (2 chuyện trên đây rút từ Lương-cao-Tăng-truyện).

3- Sa-môn-ni Thích Đàm Huy, người Thành Đô thuộc quận Thục, vốn họ Thanh Dương, tên là Bạch Ngọc. Năm lên bảy tuổi, đã biết ngồi Thiền, đạt cảnh giới cao, nhưng chưa hiểu, chỉ cho là mộng. Có lần cùng chị ngủ chung phòng, nửa đêm ni nhập định, chị lén lúc ở góc bình phong nhìn thấy thân thể ni im như gỗ đá, tuyệt không có hơi thở, liền hốt hoảng kêu người nhà xúm nhau đỡ dậy, đến sáng vẫn chưa tỉnh.

Chạy đi hỏi bọn đồng bóng, đều bảo: “Bị quỷ mượn hồn”. Đến năm mười một tuổi, có vị Thiên sư người ngoại quốc là Cương-lương-da-xá sang đất Thục, ni đến tham vấn chuyện này. Thiên sư bảo ni tọa Thiền đã đạt cảnh giới, khuyên nên xuất gia. Bấy giờ, ni sắp đi lấy chồng, ngày cưới hỏi đã định sẵn. Ni sư pháp Dục lâu nay chưa tính cho ni xuất gia, nghe chuyện liền lên đưa ni lên chùa. Gia đình biết ra, cố ép việc cưới hỏi. Ni quyết không nghe lời, phát nguyện rằng: “Nếu không thành tựu đạo tâm vì bị ép bức, sẽ nhảy vào lửa hoặc miệng cọp để hủy hoại hình hài ấ trước này. Xin chư Phật mười phương chứng giám cho tấm lòng thành!” Thứ sử Nhân Pháp Sùng rất hâm mộ Phật pháp, nghe đồn chí nguyện của ni, sai mời gặp mặt, đồng thời triệu thỉnh các Sa-môn Cương Tá và Hữu Hoài cùng hỏi đạo. Ni đối đáp trôi chảy, không đỗi lý. Mọi người đều tán phục. Thứ sử đứng ra dàn Sếp cho ni từ hôn để xuất gia. Đến niên hiệu Nguyên Gia thứ 19 (442), Khang vương ở Lâm Xuyên rước ni về chùa Quảng Lăng.

4- Triệu tập là người đất Hoài Nam đời Tống. Vào năm Nguyên Gia thứ hai mươi (443), làm vệ quân phụ tá ở phủ nhà. Bị bệnh đã lâu, sợ không qua khỏi, nên thường thành tâm, quy y Phật pháp. Đêm mơ thấy có người tướng mạo kỳ vĩ giống vị thần, đứng trên nóc nhà, trao cho gói nhỏ và một cây dao thế phát, bảo rằng: “Uống thuốc này, dùng dao này, bệnh sẽ khỏi”. Ông giật mình thức dậy, quả thật có dao và thuốc, liền uống vào. Hết bệnh, bèn xuất gia, lấy pháp hiệu là Tăng Tú.

5- Hai người con gái họ Luân ở Đông Quan đời Tống (Chuyện này đã được trích dẫn và dịch ra trong quyển 5, phần nhân duyên cảm ứng). (3 chuyện trên đây rút từ Minh-Tường-Ký)

